

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TRÒ CHƠI NGÔN NGỮ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO TRẺ 5-6 TUỔI

ThS.NCS Nguyễn Thiệu Dạ Hương

Khoa Giáo dục sớm và Tiểu học, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQG HN

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung khảo sát thực trạng sử dụng trò chơi ngôn ngữ (TCNN) nhằm phát triển kỹ năng nói tiếng Anh (KN NTA) cho trẻ 5–6 tuổi tại 10 trường mầm non ở Hà Nội, thông qua 47 bảng hỏi với giáo viên và 6 phỏng vấn bán cấu trúc với giáo viên tiếng Anh từ 3 trung tâm ngoại ngữ. Kết quả cho thấy: (1) KN NTA của trẻ đạt mức khá trong nhận diện từ vựng, lặp lại câu, nói câu đơn giản, nhưng trẻ thiếu tự tin khi nói câu hoàn chỉnh và cần sự gợi ý; (2) Giáo viên thường xuyên sử dụng TCNN đa dạng như tìm chữ, ô chữ, vần điệu, kể chuyện, đọc thơ, đóng vai, nhập vai; tuy nhiên, trẻ còn hạn chế về phát âm, ghi nhớ cấu trúc và từ vựng, dễ lúng túng khi diễn đạt trọn vẹn; (3) TCNN cần sáng tạo và điều chỉnh phù hợp hơn để nâng cao hiệu quả phát triển KN NTA. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc thiết kế TCNN trong giáo dục mầm non.

Từ khóa: trò chơi ngôn ngữ, phát triển kỹ năng nói, kỹ năng nói tiếng Anh, trẻ 5-6 tuổi

CURRENT SITUATION OF USING LANGUAGE GAMES TO DEVELOP ENGLISH SPEAKING SKILLS FOR 5–6-YEAR-OLD CHILDREN

MA, PhD Candidate Nguyen Thieu Da Huong

Faculty of Early Childhood and Primary Education, University of Education, Vietnam National University, Hanoi

Abstract: This study investigates the current situation of using language games (LGs) to develop English speaking skills (ESS) for 5–6-year-old children in 10 kindergartens in Hanoi, based on 47 teacher questionnaires and 6 semi-structured interviews with English teachers from 3 language centers. The findings reveal: (1) children's ESS reached a fairly good level in vocabulary recognition, sentence repetition, and producing simple sentences, but they lacked confidence in constructing complete sentences and often needed prompts; (2) teachers frequently used diverse LGs such as letter hunts, crossword puzzles, rhymes, storytelling, poetry reading, role-play, and dramatization. However, children still struggled with correct pronunciation, retaining sentence structures and vocabulary, and often hesitated when forming full expressions; (3) LGs require more creativity and adaptation to be more effective in developing ESS. The study provides important practical evidence for designing LGs in early childhood English education.

Keywords: language games, speaking skill development, English speaking skills, 5–6-year-old children

Nhận bài: 17/07/2025

Phản biện: 17/08/2025

Duyệt đăng: 21/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, tiếng Anh giữ vai trò then chốt trong giao tiếp và phát triển kinh tế - xã hội. Ở Việt Nam, Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT đã đưa chương trình làm quen tiếng Anh vào bậc mầm non, song thực tiễn còn nhiều hạn chế: nội dung chưa hệ thống, chưa phù hợp tâm sinh lý trẻ; phương pháp còn thiên về truyền thụ một chiều, thiếu tính tương tác, khiến trẻ 5–6 tuổi gặp khó khăn trong phát âm, ghi nhớ cấu trúc và thiếu tự tin diễn đạt câu hoàn chỉnh.

Cơ sở lý luận phát triển kỹ năng nói tiếng Anh (KN NTA) cho trẻ dựa trên nhiều học thuyết: Chomsky (ngữ pháp bẩm sinh), Vygotsky (ZPD), Piaget (giai đoạn nhận thức), Bruner (tương tác xã hội) và Krashen (Input Comprehensible). Các học thuyết đều khẳng định trẻ tiếp thu ngôn ngữ hiệu quả trong môi trường giàu trải nghiệm, gần với ngữ cảnh thực tế. Đặc biệt, phương pháp học qua trò chơi ngôn ngữ (TCNN) được xem là công cụ ưu việt, giúp trẻ luyện tập từ vựng, cấu trúc và tăng cường giao tiếp tự nhiên.

Nghiên cứu khảo sát tại 10 trường mầm non và 3 trung tâm ngoại ngữ ở Hà Nội nhằm đánh giá thực trạng KN NTA của trẻ 5–6 tuổi và hiệu quả sử dụng TCNN trong hướng dẫn làm quen tiếng Anh. Kết quả kỳ vọng làm rõ vai trò của TCNN trong phát triển KN NTA, góp phần xây dựng cơ sở thực tiễn cho đổi mới giáo dục mầm non.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này đã sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu nhằm tiến hành điều tra thực trạng sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm phát triển KN NTA cho trẻ 5-6 tuổi. Cụ thể, nghiên cứu khảo sát bằng bảng hỏi trên 60 GV đang dạy tiếng Anh tại 10 trường mầm non trên địa bàn TP Hà Nội: Trường Mầm non Hoa Hồng, Trường Mầm non Vườn xanh Green school, Trường Mầm non Quang Trung, Trường Mầm non Vi Khánh, Trường Mầm non Ban Mai Xanh, Trường Mầm non Việt Triều-Hữu Nghị, Trường mầm non Tư Thục Hoa Mai, Trường Mầm non Ánh Sao,

Trường Mầm Non DCA, Trường Mầm Non Mai Dịch. Đối với 14 GV là người nước ngoài, phiếu được dịch sang tiếng Anh. Kết quả thu nhận được 51 phiếu trả lời, sau khi lọc nhiễu thu về được 47 phiếu trả lời đầy đủ các nội dung. Ngoài ra nghiên cứu cũng tiến hành phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc 06 GV dạy tiếng Anh cho trẻ em tại 03 trung tâm ngoại ngữ trên cùng địa bàn nghiên cứu nhằm làm rõ hơn các vấn đề nghiên cứu, gồm: Trung tâm ngoại ngữ (TTNN) Talky English, TTNN Apollo, TTNN Sky trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2025.

2.2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

2.2.1. Thực trạng KN NTA của trẻ 5-6 tuổi tại TP Hà Nội

Theo các nghiên cứu trước, KN NTA (KN NTA) của trẻ 5-6 tuổi có thể được nhận xét thông qua các biểu hiện về: Khả năng nhận biết các từ đơn lẻ; Khả năng ghi nhớ các chủ đề từ vựng trẻ đã học; Khả năng phản ứng, hồi đáp Tiếng Anh trong hoạt động nghe-nói (khả năng nói tiếng Anh).

a/ Khả năng nhận biết các từ đơn lẻ

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thu Hương và Trần Thị Minh Phương (2023) cho thấy trẻ mầm non có thể tiếp thu 8–10 từ mới mỗi tuần nếu được dạy bằng phương pháp trực quan. Khảo sát tại 10 trường mầm non Hà Nội cho thấy 38,3% trẻ nhận biết được 10–30 từ cơ bản, 23,4% hiểu 30–50 từ, 21,3% hiểu trên 50 từ, và 17% chỉ nhận biết một số từ đơn giản. Kết quả phản ánh sự khác biệt về mức độ tiếp thu giữa các nhóm trẻ.

b/ Khả năng ghi nhớ các từ vựng theo chủ đề đã học

Các chủ đề quen thuộc như màu sắc, số đếm, động vật, đồ ăn, gia đình... có tỷ lệ ghi nhớ cao, trong khi những chủ đề trừu tượng hoặc ít gặp có mức độ nhận biết thấp. Cameron (2021) khẳng định trẻ tiếp thu tốt hơn từ vựng liên quan đến đối tượng cụ thể, gần gũi và dễ quan sát. Điều này cho thấy việc lựa chọn chủ đề phù hợp có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của trẻ.

c/ Khả năng sử dụng Tiếng Anh trong các hoạt động nghe-nói

Kết quả khảo sát cho thấy 63,8% trẻ có thể hát hoặc đọc theo bài hát, thơ tiếng Anh, chứng tỏ khả năng bắt chước ngữ âm, giai điệu khá tốt. Tuy nhiên, 17% trẻ chưa tham gia hiệu quả, chủ yếu do môi trường hoặc phương pháp chưa phù hợp. Các nghiên cứu quốc tế (Sathiyasenan, 2022; Bambino Mio, n.d) cũng nhấn mạnh vai trò của nhịp điệu và sự lặp lại trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

Ngoài ra, 83% trẻ có thể hoàn thành câu tiếng Anh khi được gợi ý, trong đó 17% luôn hoàn thành trọn vẹn. Điều này phản ánh sự hình thành bước đầu về cấu trúc câu và tư duy phản xạ ngôn ngữ. Moon (2005) cho rằng khả năng này phụ thuộc nhiều vào các hoạt động tương tác có chủ đích, đặc biệt là trò chơi ngôn ngữ.

Nhìn chung, KN NTA của trẻ 5–6 tuổi tại Hà Nội đạt mức “khá”: trẻ có thể nhận diện từ vựng, nói câu đơn giản và hát/đọc theo mẫu. Việc học tiếng Anh qua bài hát, trò chơi, kể chuyện và đóng vai giúp trẻ tiếp thu tự nhiên, hứng thú hơn. Tuy nhiên, trẻ vẫn gặp khó khăn trong diễn đạt mạch lạc, đặc biệt ở việc kể lại câu chuyện hay tạo câu hoàn chỉnh, đòi hỏi giáo viên cần tăng cường phương pháp linh hoạt, tạo môi trường tương tác và sử dụng hiệu quả trò chơi ngôn ngữ để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh.

2.2.2. Thực trạng sử dụng TCNN nhằm phát triển KN NTA của trẻ 5-6 tuổi tại trường mầm non

2.2.2.1. Mục tiêu chính khi sử dụng trò chơi ngôn ngữ trong dạy học tiếng Anh cho trẻ mầm non

Theo kết quả khảo sát, đa số GV dạy tiếng Anh (GVTA) cho trẻ đều có nhận thức rõ ràng về mục tiêu giáo dục khi sử dụng trò chơi ngôn ngữ trong dạy học tiếng Anh cho trẻ mầm non. Cụ thể, 80,9% giáo viên lựa chọn mục tiêu phát triển vốn từ vựng cho trẻ, 66% cho biết trò chơi giúp tạo hứng thú học tập, 63,8% hướng đến cải thiện phát âm và 61,7% nhấn mạnh vai trò của trò chơi trong việc tăng sự tự tin khi sử dụng tiếng Anh. Ngoài ra, các mục tiêu khác như phát triển kỹ năng giao tiếp (53,2%) và khuyến khích học tập tích cực (44,7%) cũng được nhiều giáo viên đánh giá cao. Những mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với định hướng phương pháp giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT), trong đó nhấn mạnh đến việc sử dụng ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp thực sự (Richards & Rodgers, 2001). Đối với trẻ mầm non, việc học tiếng Anh thông qua trò chơi không chỉ là hoạt động học tập mà còn là quá trình trải nghiệm tích cực, giúp trẻ hình thành phản xạ và sự tự tin trong giao tiếp từ sớm. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Wright, Betteridge & Buckby (2006) cũng cho thấy rằng trò chơi ngôn ngữ có khả năng kích thích trí nhớ ngắn hạn, khả năng tập trung và tư duy logic của trẻ, từ đó giúp tăng hiệu quả học tập. Vì vậy, việc xác định mục tiêu rõ ràng khi tổ chức TCNN không chỉ giúp giáo viên lựa chọn loại hình phù hợp mà còn góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy một cách khoa học và định hướng.

2.2.2.2. Các loại trò chơi ngôn ngữ đang được tổ chức cho trẻ mầm non

Một kết quả quan trọng từ khảo sát là đánh giá của giáo viên tiếng Anh (GVTA) đối với các loại trò chơi ngôn ngữ hiện đang được tổ chức cho trẻ mầm non. Cụ thể, 57,4% GV nhận định các trò chơi hiện tại ở mức “Tốt”, và 40,4% đánh giá ở mức “Rất tốt”, trong khi không có bất kỳ phản hồi nào ở mức “Trung bình”, “Kém” hay “Rất kém”. Tỷ lệ 100% đánh giá tích cực này cho thấy sự đồng thuận cao trong nhận định của giáo viên về hiệu quả, mức độ phù hợp và tính ứng dụng của trò chơi ngôn ngữ trong thực tiễn giảng dạy mầm non.

Khảo sát cho thấy một bức tranh khá phong phú về sở thích của người tham gia đối với các loại trò chơi ngôn ngữ. Sự nổi bật của “TC tìm chữ, giải ô chữ” với hơn 70% lựa chọn cho thấy một bộ phận lớn người tham gia đánh giá cao tính thử thách trí tuệ và khả năng làm giàu vốn từ vựng mà loại hình này mang lại. Song song đó, sự yêu thích dành cho “TC âm thanh, vần điệu” với gần 77% lựa chọn khẳng định vai trò quan trọng của yếu tố âm nhạc và nhịp điệu trong việc tạo hứng thú và Ghi nhớ ngôn ngữ một cách tự nhiên. Điều này gợi ý rằng các hoạt động kết hợp âm thanh có thể mang lại hiệu quả tích cực trong việc học tập và giải trí ngôn ngữ. Mặc dù các loại hình như “Kể chuyện, đọc thơ” và “Đóng vai, diễn kịch” không đạt được tỷ lệ cao như hai loại trên, nhưng số lượng người lựa chọn vẫn đáng kể, cho thấy sự quan tâm đến các hoạt động mang tính sáng tạo và biểu đạt cá nhân. Ngược lại, “TC tương tác trực tiếp, nhập vai, chuyển tiếp” có vẻ ít thu hút hơn, có thể do đòi hỏi sự tự tin cao trong giao tiếp và ứng biến ngôn ngữ, điều mà không phải ai cũng cảm thấy thoải mái.

2.2.2.3. Thời lượng áp dụng trò chơi ngôn ngữ trong mỗi buổi học

Kết quả khảo sát từ 47 GVTA tại các cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức dạy tiếng Anh cho thấy: phần lớn giáo viên (chiếm 51,1%) tổ chức hoạt động TCNN trong khoảng thời gian từ 10 đến 20 phút mỗi buổi học. Đây được xem là khoảng thời gian lý tưởng, phù hợp với đặc điểm phát triển tâm sinh lý của trẻ mầm non – đối tượng có khả năng tập trung ngắn và cần sự thay đổi thường xuyên trong hoạt động học tập (Nguyễn Ánh Tuyết, 2014). Theo Cameron (2001), thời lượng từ 10–20 phút là lý tưởng cho các hoạt động học tập mang tính trò chơi, giúp trẻ duy trì sự tập trung

và hứng thú mà không làm gián đoạn mạch nội dung của buổi học. Ngoài ra, 23,4% giáo viên chỉ tổ chức trò chơi ngôn ngữ trong thời lượng dưới 10 phút, thường áp dụng vào đầu hoặc cuối buổi học như một hoạt động khởi động hoặc củng cố. Bên cạnh đó, 19,1% GVTA dành từ 20 - 30 phút cho hoạt động trò chơi, trong khi chỉ có 6,4% giáo viên tổ chức trò chơi kéo dài trên 30 phút.

2.2.2.4. Mức độ hứng thú của trẻ trong trò chơi ngôn ngữ

Một trong những kết quả nổi bật từ khảo sát là đánh giá của GVTA về mức độ hứng thú của trẻ thể hiện sự tham gia tích cực của trẻ trong các hoạt động trò chơi ngôn ngữ. Cụ thể, 97,9% GVTA nhận định rằng trẻ “Rất tích cực” và “Khá hào hứng” khi tham gia các trò chơi học tiếng Anh. Điều này cho thấy trò chơi ngôn ngữ có tác dụng rõ rệt trong việc tạo động lực học tập, thu hút sự chú ý và khuyến khích trẻ tham gia vào quá trình tiếp thu ngôn ngữ. Như vậy, mức độ tham gia tích cực của trẻ không chỉ là minh chứng cho tính hiệu quả của trò chơi ngôn ngữ trong dạy học tiếng Anh. Tuy nhiên, không thể bỏ qua 2,1% đánh giá trẻ “thỉnh thoảng tham gia”, cho thấy vẫn có một số tồn tại khi tổ chức TCNN cho trẻ 5-6 tuổi. Phòng vấn bán cấu trúc đối với GVTA tại một số Trung tâm ngoại ngữ đang cung cấp GVTA cho trường MN nhận định: các yếu tố như tính giải trí, luật chơi rõ ràng, có sự lặp lại và có tính tương tác cao cũng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự tham gia tích cực của trẻ. Theo Krashen (1985), môi trường học không gây lo âu là điều kiện lý tưởng để trẻ tiếp nhận ngôn ngữ mới một cách hiệu quả hơn. Brewster, Ellis và Girard (2002) cho rằng trẻ em học ngoại ngữ đạt hiệu quả nhất khi được tham gia vào các hoạt động giao tiếp sinh động, có tính hỗ trợ xã hội, góp phần hình thành thói quen sử dụng ngôn ngữ mới một cách chủ động. Vì vậy, nhà GD cần lưu tâm tới những hạn chế, khó khăn của trẻ trong việc rèn luyện KN NTA thông qua TCNN.

2.2.2.5. Những khó khăn mà trẻ gặp phải khi tham gia trò chơi ngôn ngữ

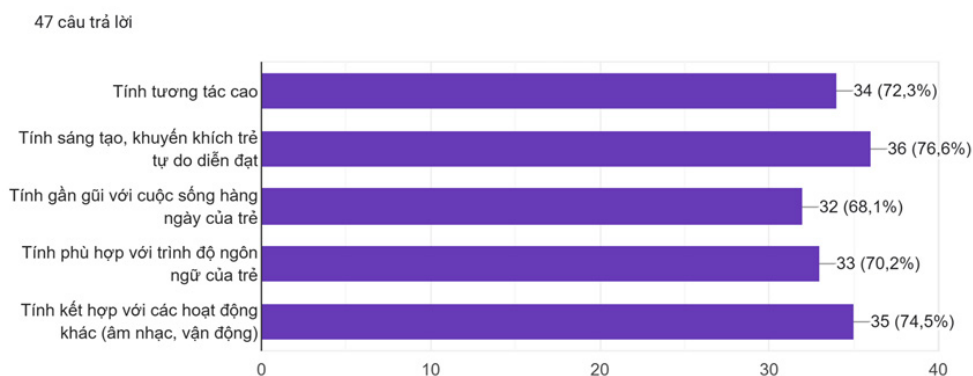
Có thể nhận thấy những khó khăn mà trẻ phải đối diện khi tương tác với các trò chơi ngôn ngữ cũng sẽ giúp GVTA cân trọng hơn trong việc lựa chọn và sáng tạo các trò chơi mới phù hợp hơn.

Vấn đề “Khó khăn trong việc diễn đạt ý tưởng, tư duy bằng ngôn ngữ” chiếm tỷ lệ cao nhất, lên đến hơn 80%. Điều này cho thấy một thách thức cốt lõi trong việc sử dụng tiếng Anh một cách trôi

chảy và hiệu quả, đặc biệt trong bối cảnh trò chơi đòi hỏi phản ứng nhanh và chính xác. Khó khăn trong việc phát âm cũng là một trở ngại đáng kể, ảnh hưởng đến khả năng truyền đạt thông tin và sự tự tin khi tham gia các hoạt động nói. Bên cạnh đó, việc “Khó khăn trong việc sử dụng từ vựng” và “Khó khăn trong việc lắng nghe và tương tác” với tỷ lệ tương đương nhau cho thấy rằng cả vốn từ vựng hạn chế và kỹ năng giao tiếp chưa tốt đều là những yếu tố cản trở trải nghiệm trò chơi ngôn ngữ. Những khó khăn này không chỉ giới hạn khả năng tận hưởng trò chơi mà còn có thể gây ra tâm lý e ngại, đặc biệt đối với những trẻ đang có mức độ phát triển chậm trong quá trình học ngôn ngữ.

Điều này cho thấy vẫn tồn tại những hạn chế nhất định của những TCNN đã có. Chính vì vậy, tìm hiểu những khó khăn này của trẻ trong quá trình tham gia TCNN hiện có được xem là cơ sở thực tiễn để các nhà giáo dục cân nhắc lựa chọn và thiết kế TCNN mới thực sự vừa đảm bảo tiêu chí của một TCNN vừa hấp dẫn tất cả trẻ cùng hào hứng tham gia. Điều này đặt ra thách thức cho nhà nghiên cứu tìm hiểu những tiêu chí quan trọng khi thiết kế trò chơi ngôn ngữ cho trẻ mầm non nhằm mục đích phát triển KN NTA cho trẻ 5-6 tuổi tại Việt Nam

2.2.2.6. *Những yếu tố cần được chú trọng khi thiết kế trò chơi ngôn ngữ cho trẻ mầm non*



Từ biểu đồ trên cho thấy một sự nhất trí cao về các yếu tố cần thiết khi thiết kế trò chơi ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Nhìn chung, các số liệu trên cho thấy một sự đồng thuận mạnh mẽ về các yếu tố sự phạm quan trọng trong thiết kế trò chơi ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Các yếu tố liên quan đến sự tham gia tích cực, khả năng sáng tạo, tính thực tế, sự phù hợp với lứa tuổi và khả năng tích hợp đa giác quan đều được đánh giá cao với tỷ lệ trên 68%. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết của một cách tiếp cận toàn diện và lấy trẻ làm trung tâm khi thiết kế trò chơi ngôn ngữ nhằm phát triển kỹ năng nói cho lứa tuổi mầm non tại Việt Nam.

III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát không chỉ là minh chứng thực nghiệm cho hiệu quả sự phạm của trò chơi ngôn ngữ, mà còn củng cố lập luận lý thuyết về vai trò của hình thức học tiếng Anh mang tính trải nghiệm,

tương tác và vui chơi trong phát triển KN NTA cho lứa tuổi mầm non. Kết quả của nghiên cứu cho thấy KN NTA của trẻ 5-6 tuổi tại TP Hà Nội đạt mức độ khá trong khả năng nhận diện từ vựng, lặp lại câu và nói thành câu đơn giản. Tuy nhiên trẻ còn thiếu tự tin để nói thành câu hoàn chỉnh và cần được gợi ý, dẫn dắt. Các GV dạy tiếng Anh đã tích cực sử dụng các loại trò chơi ngôn ngữ như TC tìm chữ, giải ô chữ; TC âm thanh, vận điệu; TC lặp lại câu trong kể chuyện, đọc thơ, TC Đóng vai, diễn kịch; TC tương tác trực tiếp, nhập vai, chuyển tiếp. Đây là những loại trò chơi học tập thông dụng, đã được GVTA chọn lọc sử dụng từ trước tới nay. Tuy vậy, thực tế ghi nhận trẻ còn gặp một số hạn chế khi tham gia các trò chơi này trong việc phát âm đúng và ghi nhớ cấu trúc câu và từ vựng, đồng thời trẻ cũng lúng túng khi diễn đạt 1 câu hoàn thiện trong nói tiếng Anh.

(*) Bài báo này được phát triển một phần từ đề tài NCKH cấp trường “Thiết kế TCNN phát triển KN NTA cho trẻ 5-6 tuổi” (Mã số QS.NH.2025.24) của nhóm SV Đinh Thị Mai Anh, Trần Thị Huyền, Nguyễn Thị Thu, Phùng Thu Hà, Vũ Thị Thanh Mai dưới sự hướng dẫn của ThS.NCS. Nguyễn Thiệu Dạ Hương, Giảng viên Khoa Giáo dục sớm và Tiểu học, trường Đại học Giáo dục, ĐHQG HN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bambino Mio. (n.d.). *The role of nursery rhymes in language development*. Truy cập ngày 30 tháng 8, 2025, từ <https://www.bambinomio.com>
2. Brewster, Jean; Ellis, Gail; & Girard, Denis. (2002). *The primary English teacher's guide (2nd ed.)*. Penguin Books.
3. Bruner, Jerome. (1983). *Child's talk: Learning to use language*. Oxford University Press.
4. Cameron, Lynne. (2001). *Teaching languages to young learners*. Cambridge University Press.
5. Cameron, Lynne. (2021). *Teaching languages to young learners (2nd ed.)*. Cambridge University Press.
6. Chomsky, Noam. (1965). *Aspects of the theory of syntax*. MIT Press.
7. Coady, James; & Huckin, Thomas. (1997). *Second language vocabulary acquisition: A rationale for pedagogy*. Cambridge University Press.
8. Cook, Vivian. (2008). *Second language learning and language teaching (4th ed.)*. Hodder Education.
9. Ellis, Rod. (2003). *Task-based language learning and teaching*. Oxford University Press.
10. Hadfield, Jill. (1998). *Elementary communication games: A collection of games and activities for elementary students of English*. Addison Wesley Longman.
11. Komenský, Jan Amos. (2015). *Didactica Magna*. Praha: Karolinum Press.
12. Krashen, Stephen. (1985). *The input hypothesis: Issues and implications*. Longman.
13. Moon, Jayne. (2000). *Children learning English*. Macmillan Heinemann.
14. Moon, Jayne. (2005). *Teaching English to young learners*. Oxford University Press.
15. Nguyễn Thị Thu Hương & Trần Thị Minh Phương. (2023). Khả năng tiếp thu từ vựng tiếng Anh của trẻ mầm non: Nghiên cứu tại các trường mầm non Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, 495, 45–50.
16. Nguyễn Huy Cẩn. (2021). Dạy học ngoại ngữ cho trẻ mầm non: “Cho trẻ chơi với ngoại ngữ”. Trong *Phương pháp dạy học ngoại ngữ cho trẻ em* (tr. 195–210). NXB Giáo dục Việt Nam.
17. Nguyễn Ánh Tuyết. (2014). *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
18. Osobnosti.cz. (n.d.). *Jan Amos Komensky*. Truy cập ngày 30 tháng 8, 2025, từ <https://www.osobnosti.cz/jan-amos-komensky.php>
19. Piaget, Jean. (1952). *The origins of intelligence in children*. International Universities Press.
20. Pop, Anamaria. (2011). The impact of learning foreign languages from primary school. *Studies of the Department of Philology*, 2(1), 137–144.
21. Richards, Jack C.; & Rodgers, Theodore S. (2001). *Approaches and methods in language teaching (2nd ed.)*. Cambridge University Press.
22. Rooyackers, Paul. (2002). *101 language games for children: Fun and learning with words, stories and poems*. Hunter House.
23. Sathiyasenan, Subashini. (2022). Nursery rhymes: Its effectiveness in teaching of English among pre-schoolers. *Journal of Early Childhood Education Research*, 11(2), 150–165.
24. Tharp, Roland G.; & Gallimore, Ronald. (1988). *Rousing minds to life: Teaching, learning, and schooling in social context*. Cambridge University Press.
25. Vygotsky, Lev S. (1978). *Mind in society: The development of higher psychological processes*. Harvard University Press.
26. Wright, Andrew; Betteridge, David; & Buckby, Michael. (2006). *Games for language learning (3rd ed.)*. Cambridge University Press.